

Bản án số: 398/2018/HS-PT
Ngày: 14-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Ông Huỳnh Văn Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn- Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 340/2018/HSPT ngày 30/7/2018 đối với bị cáo Đoàn Trung T do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2018/HS-ST ngày 21-6-2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đoàn Trung T, giới tính: nam; sinh năm 1980 tại Đồng Nai; trú tại: Số T1 ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Số T5 đường số T6, khu phố T7, phường T8, thị xã T9, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nhân viên văn phòng; con ông Đoàn Văn A và con bà Nguyễn Thị M; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 02 người con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 13/10/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 77/2011/HSST ngày 15/11/2011), đến ngày 19/01/2012 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù (đã được xóa án tích).

Bị cáo tại ngoại (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại có kháng cáo:

Bà Trần Thị Mai S, sinh năm 1975.

Trú tại: Số P Tổ P1, ấp P2, xã P3, huyện P4, tỉnh bà Rịa – Vũng Tàu (bà Thùy vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Trung T là nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn thiết bị điện C, có văn phòng tại Tầng C, Tòa nhà số C1 đường C2, Phường C3, Quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào khoảng 15 giờ ngày 27/7/2017, T đi từ Tầng C của tòa nhà xuống tầng hầm B1 để lấy xe. Khi xuống tới tầng hầm, T nhìn thấy 01 cái bóp của chị Trần Thị Mai S để trên yên chiếc xe máy dựng cách chiếc xe máy của T khoảng 3-4 chiếc xe. T quan sát không thấy ai nên lên lút lấy cái bóp bỏ vào túi xách đang đeo trên người rồi chạy xe ra khỏi tòa nhà đi về tỉnh D. Khi đi đến đường X, T dừng xe lại và lấy cái bóp ra kiểm tra thì bên trong bóp có 6.500.000 đồng, 1.000 USD và một số giấy tờ tùy thân của chị S, sau khi kiểm tra xong, T cất cái bóp vào túi và chạy xe máy đi tiếp. Khi T chạy xe đến trước Bến xe M thì bảo vệ của Tòa nhà số C1 đường C2 tên là V và chị S gọi điện thoại cho T hỏi T về việc có lấy cái bóp của chị S để quên trên yên xe máy của chị S không thì T trả lời là không lấy, nhưng vẫn hẹn đến 17 giờ cùng ngày sẽ quay lại tòa nhà để gặp chị S giải quyết. Trên đường quay lại tòa nhà, T ghé vào cửa hàng thời trang L ở số L1 C2, Phường C5, Quận C6 cất cái bóp của chị S vào tủ của cửa hàng rồi quay lại tòa nhà. Khi gặp bảo vệ tòa nhà và chị S thì T vẫn chưa thừa nhận có lấy cái bóp của chị S nhưng sau đó tại công an Phường 11, Quận 3 thì T đã khai nhận toàn bộ sự việc, đồng thời thu hồi toàn bộ tài sản trả lại cho chị S.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận 3, xác định 1000 USD của chị Thùy tại thời điểm ngày 27/7/2017 có giá trị là 22.765.000 đồng.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2018/HS-ST ngày 21-6-2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Trung T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Đoàn Trung T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 28/6/2018 bị cáo Đoàn Trung T có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại tội danh đối với bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Về phía bị hại Trần Thị Mai S cũng có đơn kháng cáo với nội dung toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại tội danh đối với bị cáo T và cho bị cáo T được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Đoàn Trung T khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện, đồng thời rút một phần kháng cáo về việc xác định lại tội danh và chỉ giữ lại yêu cầu xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị hại Trần Thị Mai S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo T được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: sau khi phân tích hành vi của bị cáo theo nội dung của bản án sơ thẩm, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Đoàn Trung T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 15 giờ ngày 27/7/2017, tại Tòa nhà số C1 đường C2, Phường C3, Quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh, Đoàn Trung T đã lén lút đột nhập vào chủ sở hữu và bảo vệ quản lý tầng hầm để chiếm đoạt 01 cái bóp của chị Trần Thị Mai S đang để trên yên xe máy của chị S, bên trong có số tiền 6.500.000 đồng, 1.000 USD (tổng trị giá là 29.265.000 đồng). Sau khi chiếm đoạt cái bóp trên, T bỏ vào túi xách đang đeo trên người rồi chạy xe máy về tỉnh D. Nhưng trên đường về tỉnh D, bảo vệ của tòa nhà và chị S gọi điện thoại cho T yêu cầu T quay lại tòa nhà để giải quyết. Khi đến công an Phường 11, Quận 3 thì T đã khai nhận toàn bộ sự việc, đồng thời thu hồi toàn bộ tài sản trả lại cho chị S.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo Đoàn Trung Thành 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[2] Ngày 21/6/2018, Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 28/6/2018 bị cáo Đoàn Trung Thành và bị hại Trần Thị Mai Thùy làm đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại tội danh đối với bị cáo Thành và cho bị cáo Thành được hưởng án treo. Xét thấy đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại làm trong hạn luật định nên hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm thì bị cáo Thành rút một phần kháng cáo về việc xác định lại tội danh và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, còn bị hại Thùy có đơn xin xét xử vắng mặt và xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo Thành được hưởng án treo.

[3] Xét nội dung kháng cáo:

Trong vụ án này tài sản bị chiếm đoạt là 01 cái bóp, bên trong bóp có tiền và giấy tờ tùy thân mang tên Trần Thị Mai S do chị S để trên yên xe máy của chị

S và xe máy này được để tại tầng hầm của Tòa nhà số C1 đường C2, Phường C3, Quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh, có sự quản lý, bảo vệ của nhân viên bảo vệ tòa nhà. Do đó tài sản nêu trên nằm trong sự quản lý của bảo vệ tòa nhà, nhưng Đoàn Trung T đã lén lút đối với chủ sở hữu, người quản lý tài sản và chiếm đoạt cái bóp, bên trong có tài sản là 29.265.000 đồng. Do vậy, với hành vi nêu trên đã hoàn toàn có cơ sở xác định bị cáo Đoàn Trung T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ là: tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại nên chưa gây thiệt hại; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị hại có đơn kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo; bản thân bị cáo hiện nay đang có 02 con nhỏ (sinh năm 2013 và năm 2017). Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo T không có tình tiết tăng nặng mà có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 như đã nêu ở trên, bản thân bị cáo có công việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, mặc dù trước đây bị cáo bị Tòa án xử phạt 04 tháng tù, nhưng ngày 19/01/2012 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; bản thân bị hại cũng có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giữ nguyên mức hình phạt tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo T có thể tiếp tục đi làm, chăm sóc cho 02 con còn nhỏ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Trung T, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Trần Thị Mai S và sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo T hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Trung T, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Trần Thị Mai S và sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Đoàn Trung T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Đoàn Trung T 01** (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 14/9/2018).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T8, thị xã T9, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo, bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Thành)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 3; (1)
- P.PC 53- CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- THA Quận 3; (2)
- TAND Quận 3; (2)
- Công an Quận 3; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (20) (5)

Ngô Ngọc Thắng